

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án
Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai, khắc phục sạt lở bản Ót Nội,
xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2016; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1739/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2023 cho một số địa phương khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở;

Căn cứ Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2023 hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 175/TTr-UBND ngày 23/5/2024 và Báo cáo thẩm định số 1728/SNN-PTNT ngày 21/5/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai, khắc phục sạt lở bản Ót Nội, xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai, khắc phục sạt lở bản Ót Nội, xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Sơn La.

4. Mục tiêu, quy mô xây dựng, giải pháp thiết kế chủ yếu

4.1. Mục tiêu đầu tư: Sắp xếp ổn định cho 20 hộ dân bản Ót Nội, xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La đang sống trong vùng có nguy cơ sạt lở đến nơi ở mới; ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

4.2. Quy mô, giải pháp thiết kế chủ yếu

4.2.1. San nền

a) Quy mô xây dựng: San ủi 20 nền nhà trên nền diện tích khoảng 3.937,68m², diện tích mỗi nền nhà khoảng (180÷220)m².

b) Giải pháp thiết kế

- Trên cơ sở quy hoạch tổng mặt bằng được phê duyệt, các yếu tố về địa hình tự nhiên, bám sát theo các tuyến đường giao thông nội bộ, tận dụng tối đa địa hình hiện trạng, hạn chế san gạt tới mức thấp nhất để bố trí các ô san nền tái định cư cho các hộ dân; nền hiện trạng được san gạt đánh cấp bám sát theo độ dốc của đường giao thông và đường nội bộ để đảm bảo vượt nổi hợp lý vào nhà dân; nền hiện trạng được san theo phương pháp mặt cắt được thể hiện qua các cọc địa hình; mái taluy: mái đào tỷ lệ 1/0,5÷1/0,75; mái đắp 1/1÷1/1,5; tại vị trí cọc (K2.1 ÷ K2.4) để hạn chế chiều cao mái taluy, ổn định mái dốc thiết kế giằng cơ để đảm bảo an toàn; hướng dốc các lô hướng từ trong ra ngoài mặt đường giao thông; độ dốc lô nền từ (0,3÷1,0)%.

- Về điều phối đất, đá: trên cơ sở tính toán khối lượng san nền thực hiện cân bằng đào đắp, để tận dụng tối đa đất đào vận chuyển cự ly gần sang đắp; khối lượng còn thừa vận chuyển ra bãi thải.

4.2.2. Đường Giao thông nội bộ

a) Quy mô xây dựng: Hệ thống đường giao thông nội bộ khu dân cư có chiều dài khoảng 358,27m chia làm 02 tuyến.

- Tuyến số 01 chiều dài khoảng 249,98m có Bn =5,0m; Bm =3,5m được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp B (theo TCVN 10380-2014: Đường giao thông nông thôn- Yêu cầu thiết kế).

- Tuyến số 02 chiều dài 108,29m được chia làm 02 đoạn, đoạn 01: chiều dài 59,07m, Bn =5,0m; Bm =3,5m được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp B; đoạn 02: chiều dài 49,22m, Bn =2,0m; Bm =1,5m được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp D (đoạn cấp 2 thiết kế nhằm mục đích hoàn trả lại tuyến đường lên nhà dân nằm trong khu vực san nền).

b) Giải pháp thiết kế

- Bình đồ tuyến: Cơ bản phù hợp với chấp thuận phương án tuyến đã được chủ đầu tư và các bên chấp thuận theo quy hoạch tổng mặt bằng được duyệt; các

tuyến đường nội bộ được thiết kế cơ bản phù hợp với địa hình khu vực, các nút giao được thiết kế cùng mức, về cơ bản đảm bảo an toàn.

- Trắc dọc: Trắc dọc được thiết kế theo nguyên tắc kết hợp hài hoà giữa các yếu tố bằng và các yếu tố đứng, phù hợp bình đồ và cao độ quy hoạch được duyệt, cốt cao độ đã được thống nhất với chủ đầu tư, cao độ thực tế địa hình, cao độ xây dựng các công trình trên tuyến, đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế, êm thuận trong quá trình vận hành xe, đảm bảo ổn định nền, mặt đường.

- Trắc ngang: Bề rộng nền đường $B_n=5m$; bề rộng mặt đường $B_m=3,5m$; bề rộng lề đường $Bl_{l\ddot{e}}= 2 \times 0,75m$; $Bl_{l\ddot{e}}= 2 \times 0,25m$; độ dốc ngang mặt đường $Im=2\%$; bố trí rãnh dọc, hệ thống thoát nước thải dưới lề để đảm bảo đủ diện tích bố trí các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khác.

- Kết cấu mặt đường

- + Kết cấu áo đường cấp B (áp dụng cho tuyến chính): Lớp mặt bê tông xi măng cấp độ bền B20 (mác 250) dày 18cm/lớp bạt dứa tạo phẳng, chống mất nước xi măng/lớp cấp phối đá dăm dày 10cm.

- + Kết cấu áo đường đường cấp D (áp dụng cho nút giao, đoạn vượt nổi, đoạn 02 thuộc tuyến số 02): Lớp mặt bê tông xi măng cấp độ bền B20 (mác 250) dày 16cm/lớp bạt dứa tạo phẳng, chống mất nước xi măng/lớp cấp phối đá dăm dày 10cm.

- Nền đường

- + Đối với nền đào: Căn cứ vào địa chất cụ thể của từng tuyến và thể nằm của các lớp đất đá để đào nền và tạo mái taluy có tỷ lệ phù hợp khi xây dựng nền đường.

- + Đối với nền đắp: Trong phạm vi nền đường đào bỏ lớp đất yếu trước khi đắp nền đường. Nền đường được đắp với độ chặt K95, mái taluy đắp là 1/1,5; tại các vị trí có độ dốc lớn tiến hành đánh cấp để đảm bảo nền không bị trượt.

- Nút giao: Thiết kế vượt nổi hài hòa, đồng mức, cơ bản đảm bảo an toàn và êm thuận cho xe chạy.

4.2.3. Điện Sinh hoạt

a) Về quy mô xây dựng

Xây dựng mới 1.097m đường dây trên không 0,4kV cấp điện cho 20 hộ thuộc bản Ót Nọi, xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La

b) Giải pháp thiết kế

- Đường dây 0,4kV

- + Kết cấu đường dây trên không.

- + Đầu nối từ tủ hạ thế TBA 75kVA-35/0,4kV TBA bản Ót Nọi

- + Dây dẫn: Toàn tuyến sử dụng cáp nhôm vặn xoắn loại AL/XLPE 4x70mm², cáp nguồn hộp chia dây sử dụng loại AL/XLPE 4x50mm²

- + Tiếp địa cột: Sử dụng tiếp địa lắp lại Rvx.
- + Các giải pháp xây dựng chính:
 - ++ Cột trên tuyến: Toàn tuyến sử dụng cột bê vuông loại H-7,5B
 - ++ Móng: Sử dụng móng MCK-7,5V, MN-7,5V và MĐ-7,5V bê tông đúc trực tiếp M150#.
- + Phụ kiện treo cáp: Chế tạo sẵn đồng bộ với cáp vặn xoắn
- Phân công tơ
- + Công tơ sử dụng công tơ điện tử 1 pha loại 5(80)A (*lắp đặt lại công tơ của các hộ đã có sẵn*)
- + Hòm công tơ sử dụng loại hòm H2, H4
- + Cáp nguồn hòm H4 sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 2x16mm² hòm H2 sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 2x10mm²
- + Dây sau công tơ (các hộ dân tự đầu tư)

4.2.4. Nước Sinh hoạt

a) *Quy mô xây dựng*: Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt tự chảy với định mức cấp nước 100,0 l/người/ngày-đêm, cấp cho 20 hộ dân của bản Ót Nội.

b) *Giải pháp thiết kế*

- Đầu mối lấy nước: Được đầu nối với đường ống cấp nước sinh hoạt thuộc dự án đã được nhà nước đầu tư (công trình: Cấp nước sinh hoạt bản Ót Nội).

- Tuyến đường ống: Xây dựng tuyến đường ống bằng ống nhựa HDPE DN40-PN10, từ hố van đầu nối đến các hộ gia đình, tổng chiều dài L=1591m (Trong đó: 1511m đường ống HDPE D40-PN10; 80m đường ống HDPE-D20-PN10). Mặt cắt chôn ống (bxh)= (30x40)cm.

- Sân rửa + téc nước cho hộ gia đình: Thiết kế sân rửa và đặt téc nước có kích thước (2,4x1,5)m; bề dày sân rửa có chiều dày 10cm; bằng bê tông xi măng mác 200, thiết kế téc nước iNox W =1.5m³ cùng các hệ thống phụ kiện kèm theo như đồng hồ đo lưu lượng; đường ống HDPE DN20-PN10 dẫn nước từ hệ thống đường ống chính HDPE DN40-PN10 về bồn chứa.

4.2.5. Hệ thống thoát nước mưa; thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

a) *Quy mô xây dựng*

- Hệ thống thoát nước mưa: Xây dựng đồng bộ hệ thống ga, rãnh thoát nước khu vực với chiều dài tuyến rãnh khoảng 332m; cống bản B1000, tải trọng thiết kế công trình cống, rãnh H13-X60.

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: Xây dựng hệ thống thoát nước thải bằng đường ống uPVC đường kính D110; D160 với chiều dài đường ống theo thứ tự là 41,2m; 283m; thiết kế 01 bể xử lý nước thải trước khi xả nước thải ra môi trường với thể tích toàn bể khoảng 20,4m³ được chia làm 5 ngăn.

b) Giải pháp thiết kế

- Hệ thống thoát nước mưa

+ Rãnh có kích thước (BxH)=(400x600)mm; đệm đáy rãnh bằng bê tông lót cấp độ bền B7,5 (mác 100) dày 10cm; đáy, thành rãnh dày 10cm bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); tấm đan nắp rãnh có kích thước (100x70x15)cm bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250).

+ Ga đầu nổi: Số lượng 03 ga; được bố trí để thu nước mặt của hệ thống thoát nước dọc đường; đệm đáy ga bằng bê tông lót cấp độ bền B7,5 (mác 100); đáy ga bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); thành ga xây gạch vữa xi măng mác 75, láng đáy, thành ga bằng vữa xi măng mác 75; nắp tấm đan hố ga bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250).

+ Công bản: Tại cuối tuyến đường giao thông số 01 bố trí 01 công ngang đường để đảm bảo thu, thoát nước khu vực; công có khẩu độ $Lo=100\text{cm}$; thân công bằng bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200); tấm bản công bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250).

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

+ Hệ thống thu gom nước thải chính là hệ thống cống D160mm bằng ống cống nhựa uPVC-PN6; mỗi hộ gia đình bố trí 01 ống D110mm bằng ống cống nhựa uPVC-PN6 đầu nối vào hệ thống cống D160mm (tuyến chính); trên tuyến ống chính dọc đường bố trí các ga đầu nổi có cấu tạo: đệm đáy ga bằng bê tông lót cấp độ bền B7,5 (mác 100); đáy ga bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); thành ga xây gạch vữa xi măng mác 75, láng đáy, thành ga bằng vữa xi măng mác 75; nắp tấm đan hố ga bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B20 (mác 250);

+ Bể xử lý nước thải (thể tích toàn bể khoảng 20,4m³ được chia làm 5 ngăn): Toàn bộ nước thải các hộ dân được thu gom vào hệ thống tuyến ống chính, ga đầu nổi sau đó chảy về bể xử lý nước thải. Kết cấu bể: đệm đáy bể bằng bê tông lót cấp độ bền B7,5 (mác 100); đáy bể bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200); thành bể, tường ngăn bể xây gạch vữa xi măng mác 75; láng đáy, thành bể, tường bể bằng vữa xi măng mác 75; nắp bể bằng bê tông cốt thép cấp độ bền B15 (mác 200).

4.2.6. Các nội dung khác: Theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm định.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập báo cáo KT-KT: Công ty Cổ phần Quốc Tế Tây Bắc; địa chỉ: Số 32, ngõ 61, đường Lê Đức Thọ, tổ 13, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La.

6. Địa điểm xây dựng: Xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

7. Nhóm dự án, loại và cấp công trình thuộc dự án

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

- Hạng mục san nền: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

- Hạng mục Hệ thống thoát nước mưa; thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

- Hạng mục đường nội bộ: Công trình giao thông nông thôn, Cấp IV.
- Hạng mục cấp nước sinh hoạt: Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV.
- Hạng mục điện sinh hoạt: Công trình năng lượng đường dây và TBA, cấp IV.
- Thời hạn sử dụng công trình chính thiết kế là: dưới 20 năm..

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

8.1. Số bước thiết kế: 01 bước (thiết kế bản vẽ thi công).

8.2. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu

- QCVN 01-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- QCVN 03-2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng;
- QCVN 07-2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình Hạ tầng kỹ thuật;
- QCVN 14-2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- TCVN 4419-1987: Khảo sát xây dựng-Nguyên tắc cơ bản;
- TCVN 9398-2012: Công tác trắc địa trong xây dựng công trình-Yêu cầu chung;
- TCVN 9437-2012: Khoan thăm dò địa chất công trình;
- TCVN 9361-2012: Công tác nền móng-Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9362-2012: Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 10380-2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;
- Quyết định 4927/QĐ-BGTVT ngày 24/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về việc Ban hành "Hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020";
- Quy phạm trang bị điện: 11-TCN-18-2006, 11-TCN-19-2006, 11-TCN-20-2006, 11 TCN-21-2006 do Bộ Công Nghiệp ban hành kèm theo quyết định số 19/2006/QĐ-BCN ngày 11/07/2006; và các tiêu chuẩn khác có liên quan;
- Quyết định số 44/2006/QĐ-BCN ngày 08/12/2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về ban hành quy định kỹ thuật điện nông thôn.
- Tiêu chuẩn về máy biến áp và kháng điện: IEC 60076;
- Tiêu chuẩn chống sét van: IEC 60099-4;
- Tiêu chuẩn cách điện: IEC 60273, 60383, 60305;
- Tiêu chuẩn dây dẫn: IEC 60189;
- Tiêu chuẩn cáp lực: IEC 60502, IEC 60228 TCVN;

- Tiêu chuẩn dây trần dùng cho đường dây tải điện: TCVN 5064: 1994;
- Tiêu chuẩn xây dựng TCXD 319:2004 Lắp đặt hệ thống nổi đất thiết bị cho các công trình công nghiệp - Yêu cầu chung;
- TCVN 185: 1986 Hệ thống tài liệu thiết kế - Ký hiệu bằng hình vẽ trên sơ đồ điện, thiết bị điện và dây dẫn trên mặt bằng.
- Tiêu chuẩn về tổn hao máy biến áp phân phối theo Quyết định 1011/QĐ-EVN ngày 07/4/2015 và TCVN 8525: 2010 (tham khảo)
- Tiêu chuẩn về kết cấu thép - gia công - lắp ráp - nghiệm thu và yêu cầu kỹ thuật: 20TCN 170-89;
- Tiêu chuẩn về thép hình, thép tấm: TCVN 1656-75, TCVN 7571-1 2006; JIS 3192; JIS G 3101; JIS G 3106;
- Tiêu chuẩn về bu lông đai ốc: TCVN 1876-76 và 1896-76;
- Tiêu chuẩn về vòng đệm vênh: TCVN 130-77; TCVN 132-77; TCVN 134-77; TCVN 2060-77; TCVN 2061-77;
- Tiêu chuẩn về mạ kẽm nhúng nóng: 18 TCN 04-92;
- Quy định về mạ kẽm nhúng nóng của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam ban hành kèm theo quyết định số 2982/QĐ-EVN-TĐ ngày 10/09/2003;
- Quyết định số 1186/QĐ-EVN ngày 07/12/2011 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Quy trình kỹ thuật an toàn điện trong công tác quản lý, vận hành, sửa chữa, xây dựng đường dây và trạm điện;
- Quyết định số 1299/QĐ-EVN ngày 03/11/2017 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành quy định công tác thiết kế dự án lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;
- Quyết định số 1470/QĐ-EVNNPC ngày 17/6/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc, về việc thông qua đề án “Thiết kế định hướng phát triển lưới điện trung hạ áp giai đoạn 2021-2025”;
- TCVN 33-2006: Cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình;
- QCVN 01:2023/SL – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Sơn La.
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan.

9. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: 8.625,933 triệu đồng.

Trong đó:

- | | |
|----------------------------------|-----------------------|
| - Chi phí BT, GPMB: | 5.991,268 triệu đồng; |
| - Chi phí xây dựng: | 2.076,759 triệu đồng; |
| - Chi phí thiết bị + thí nghiệm: | 5,365 triệu đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án: | 54,770 triệu đồng; |

- Chi phí tư vấn đầu tư XD: 264,456 triệu đồng;
- Chi phí khác: 107,382 triệu đồng;
- Chi phí dự phòng: 125,933 triệu đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2024.

11. Nguồn vốn: Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2023 (theo quyết định số 1739/QĐ-TTg ngày 29/12/2023) 8.500,0 triệu đồng và Ngân sách thành phố Sơn La 125,933 triệu đồng.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố (*chủ đầu tư*) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, hiệu quả, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định.

2. Thực hiện các nội dung theo kiến nghị của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại văn bản thông báo kết quả thẩm định số 1728/SNN-PTNT ngày 21/5/2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân thành phố Sơn La; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Sơn La; Thủ trưởng cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, Phú 05b.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Công